

Số: 1894 /BC-VKS

Bắc Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN**  
**NSNN QUÝ II/2024 CỦA VIỆN KSND TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Viện KSND tỉnh Bắc Giang công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước quý II/2024 như sau:

1. Kinh phí được sử dụng trong năm 2024: 47.967.820.300 đồng. Trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 45.186.953.000 đồng

(Trong đó: Kinh phí được giao trong năm 2024 là 44.194.100.000 đồng; Kinh phí năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 992.853.000 đồng – Đã bao gồm Quyết định số 05/QĐ-VKSTC ngày 17/01/2024).

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 2.532.067.300 đồng.

- Kinh phí đào tạo: 248.800.000 đồng.

2. Kinh phí đã sử dụng trong quý II/2024: 11.330.966.084 đồng đạt 23,62% so với dự toán. Trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: 10.408.892.384 đồng đạt 23% so với dự toán giao năm 2024.

- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: 759.328.700 đồng đạt 29,99% so với dự toán giao năm 2024.

- Kinh phí đào tạo: 162.745.000 đồng đạt 65,41% so với dự toán giao năm 2024.

(Kèm theo văn bản này là Phụ lục số liệu chi tiết)

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang báo cáo để Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Cục 3 (để b/c);
- Các đ/c Lãnh đạo Viện;
- Các đơn vị trực thuộc VKS tỉnh;
- Trang tin điện tử VKS tỉnh;
- Lưu KT, Vth.



**Nguyễn Xuân Hùng**

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 004

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 09 tháng 7 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
QUÝ II/2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Viện KSND tỉnh Bắc Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý II/2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>47.967.820.300</b>	<b>11.330.966.084</b>	<b>23,62%</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>47.967.820.300</b>	<b>11.330.966.084</b>	<b>23,62%</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>47.719.020.300</b>	<b>11.168.221.084</b>	<b>23,4%</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	45.186.953.000	10.408.892.384	23%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.532.067.300	759.328.700	29,99%	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>248.800.000</b>	<b>162.745.000</b>	<b>65,41</b>	<b>0</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	248.800.000	162.745.000	65,41	0
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Ngày 09 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Xuân Hùng